

MỤC LỤC

Phần thứ nhất CÔNG DÂN VỚI VIỆC HÌNH THÀNH THẾ GIỚI QUAN, PHƯƠNG PHÁP LUẬN KHOA HỌC

Trang

Bài 1 - Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng	2
Bài 2 - Thế giới vật chất tồn tại khách quan	9
Bài 3 - Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất	15
Bài 4 - Nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng	19
Bài 5 - Cách thức vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng	25
Bài 6 - Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng	28
Bài 7 - Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	
Bài 8 - Tồn tại xã hội và ý thức xã hội	
Bài 9 - Con người là chủ thể của lịch sử, là mục tiêu phát triển của xã hội	

Phần thứ hai CÔNG DÂN VỚI ĐẠO ĐỨC

Bài 10 - Quan niệm về đạo đức	
Bài 11 - Một số phạm trù cơ bản của đạo đức	
Bài 12 - Công dân với tình yêu, hôn nhân và gia đình	
Bài 13 - Công dân với cộng đồng	
Bài 14 - Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	
Bài 15 - Công dân với những vấn đề toàn cầu	
Bài 16 - Tự hoàn thiện bản thân	

PHẦN THỨ NHẤT

CÔNG DÂN VỚI VIỆC HÌNH THÀNH THẾ GIỚI QUAN, PHƯƠNG PHÁP LUẬN KHOA HỌC

Năm học: 2006 – 2007

BÀI

1

Học kỳ: I

THẾ GIỚI QUAN

DUY VẬT VÀ

Tuần thứ: 1

PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỆN CHỨNG

(2 Tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, học sinh cần phải đạt được:

1. Về kiến thức

- Nhận biết được chức năng TGQ, PPL của triết học.
- Nhận biết được nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, PPL biện chứng.
- Nêu được CN duy vật biện chứng là sự thống nhất hữu cơ giữa CN duy duy vật và PPL biện chứng

2. Về kĩ năng

- Vận dụng kiến thức của bài học để xem xét, lí giải một số sự vật, hiện tượng, quá trình thông thường trong học tập và cuộc sống.

3. Về thái độ

- Có ý thức trau dồi TGQ duy vật và PPL biện chứng

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN, TRỌNG TÂM

1. Kiến thức cơ bản:

- TGQ, TGQ duy vật, TGQ duy tâm, vai trò của TGQ duy vật
- Phương pháp, PP luận, PP luận biện chứng, PPluận siêu hình
- CNDV biện chứng

2. Kiến thức trọng tâm

- Những nội dung cơ bản của TGQ duy vật và PPL biện chứng

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH:** Giảng giải, đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trực quan...
- HTTCDH:** Làm việc cá nhân, nhóm nhỏ

IV. CHUẨN BỊ

- Giáo viên:** - Tham khảo SGK GD&ĐT 10(Không phân ban), SGK Triết học 10 (Ban khoa học xã hội), hướng dẫn học Triết học 12 (Ban khoa học xã hội).
 - Sơ đồ về vấn đề cơ bản của triết học.

- Học sinh:** Đọc SGK

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Ổn định tổ chức (1')**

- Giới thiệu bài (2')**

* **Cách 1:** Dựa vào SGK

- * Cách 2:** GV giới thiệu sơ lược nội dung chương trình SGK: Gồm có 2 phần
- + Phần thứ nhất: Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học
 - + Phần thứ hai: Công dân với đạo đức

Giúp các em có cách nhìn nhận và phương pháp khoa học làm cơ sở lí luận để xem xét các vấn đề tiếp theo ở các bài sau, hôm nay chúng ta sẽ tìm bài đầu tiên trong chương trình GD&ĐT lớp 10: Bài 1- Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng

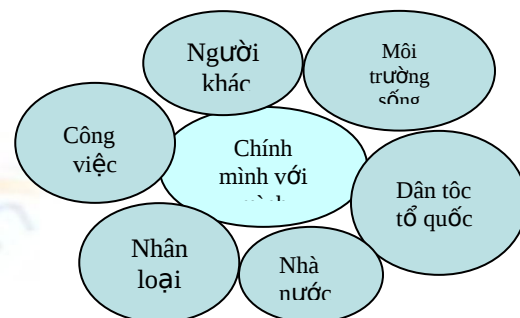
- * Cách 3:** Bằng PP đàm thoại, GV yêu cầu HS phát biểu: * GV vừa giảng giải vừa vẽ ở bảng đen mô hình sau:

“Ở cấp II, môn GD&ĐT đã giúp em tìm hiểu về những vấn đề gì?”

GV: Ở cấp II, môn GD&ĐT đã giúp các em tìm hiểu những mối quan hệ giữa chính mình với mình, giữa bản thân với người khác, với công việc, với môi trường sống, với nhà nước, với dân tộc, tổ quốc, với nhân loại... Và để giải quyết những mối quan hệ này phải phụ thuộc vào 2 yếu tố:

- Thế giới quan: Quan niệm của chúng ta về các sự việc
- PPLuận: Cách giải quyết của ta về các mối quan hệ

3. Tiến trình tổ chức tiết học 1:



Vậy TGQ là gì, PPL là gì, vai trò của nó như thế nào, bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về những vấn đề này

Hoạt động của Thầy và Trò		Kiến thức cơ bản
HOẠT ĐỘNG 1: (7') HÌNH THÀNH KHÁI NIỆM “TRIẾT HỌC”		I. Triết học và vai trò của triết học 1. Triết học: - Triết học là hệ thống các quan điểm lí luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó.
GV: Yêu cầu HS nghiên cứu SGK mục 1, phần a của “NỘI DUNG BÀI HỌC” và trả lời lần lượt các câu hỏi. GV: Nhận xét Điều chỉnh, bổ sung Kết luận * GV cần giải thích cho HS hiểu đối tượng nghiên cứu của Triết học khác với các bộ môn khoa học khác, nó bao trùm tất cả các môn khoa học, nó nghiên cứu những vấn đề chung nhất, phổ biến nhất của thế giới.	Sau khi nghiên cứu mục 1 phần a, HS lần lượt trả lời các câu hỏi sau: 1. Đối tượng nghiên cứu của các môn Hóa học, Sử học, Toán học, Văn học, ... là gì? 2. Môn học nào nghiên cứu những quy luật chung nhất? 3. Vậy triết học là gì?	
HOẠT ĐỘNG 2 (8') NHÓM GHÉP ĐÔI THẢO LUẬN VỀ: “VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC”		2. Vai trò của triết học

GV yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau là 1 nhóm - GV nêu câu hỏi - Quy định thời gian thảo luận - GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận	Các nhóm thảo luận: 1. Đối tượng nghiên cứu của triết học? 2. Vai trò của triết học? - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung	- Là thế giới quan, PP luận chung cho mọi hoạt động thực tiễn và hoạt động của nhận thức con người.
HOẠT ĐỘNG 3 (12') TÌM HIỂU CÁC KHÁI NIỆM : TGQ, TGQ DUY VẬT, TGQ DUY TÂM GV yêu cầu HS tham khảo SGK và trả lời câu hỏi - GV nhận xét, kết luận và ghi khái niệm TGQ	- Sau khi tham khảo SGK HS trả lời câu hỏi : Thế giới quan là gì?	II. Thế giới quan duy vật 1. TGQ - Là toàn bộ những quan điểm và niềm tin định hướng hoạt động của con người trong cuộc sống
• GV cần giải thích sâu hơn : TGQ được hình thành, bao gồm các yếu tố của tất cả các hình thái ý thức xã hội : Triết học, khoa học, chính trị, đạo đức, thẩm mỹ, tôn giáo... Trong đó, những quan điểm và niềm tin Triết học tạo nên nền tảng của mỗi hệ thống TGQ • Từ khái niệm TGQ, bằng PP thuyết trình và trực quan, GV dẫn dắt HS đến với vấn đề cơ bản của triết học để hình thành khái niệm TGQ duy vật và TGQ duy tâm.	VC - YT <pre> graph TD VC_YT[VC - YT] --> I[I] VC_YT --> II[II] I --> VC1[VC] I --> YT1[YT] II --> Khong[Không] II --> Co[Có] VC1 --> DV[↑ Duy vật] YT1 --> DV Khong --> DT[↑ Duy tâm] Co --> DT </pre> GV yêu cầu HS giải thích quan niệm của của Bec-cơ-li (trang 7), sau đó GV nhận xét và kết luận.	2. TGQ duy vật và TGQ duy tâm a. TGQ duy vật : <u>Mặt 1</u> : Vật chất là cái có trước và quyết định ý thức <u>Mặt 2</u> : Con người có thể nhận thức được thế giới b. TGQ duy tâm <u>Mặt 1</u> : Ý thức là cái có trước là cái sản sinh ra giới tự nhiên <u>Mặt 2</u> : Con người không thể nhận thức thế giới khách quan.
HOẠT ĐỘNG 4 (7') THẢO LUẬN LỚP VỀ “VAI TRÒ CỦA TGQ DUY VẬT” - GV yêu cầu HS cả lớp thảo luận - GV gọi 3 → 4 HS nêu ý kiến - GV nhận xét, điều chỉnh, bổ sung và kết luận. * GV đưa ra một số dẫn chứng để làm rõ vấn đề.	- HS thảo luận về vai trò của TGQ duy vật - HS nêu ý kiến - Một số HS khác bổ sung ý kiến	3. Vai trò của TGQ duy vật - TGQ duy vật có vai trò tích cực trong việc phát triển khoa học, nâng cao vai trò của con người đối với giới tự nhiên.

4. Củng cố, luyện tập (5')

- GV chia lớp thành 4 nhóm nhỏ, yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi sau:

1. Đối tượng nghiên cứu của triết học là những:

A. Quy luật

B. Quy luật chung

C. Quy luật chung nhất

D. Quy luật riêng

2. Triết học nghiên cứu những vấn đề

- A. Chung của thế giới
- C. Chung nhất, phổ biến nhất của thế giới

- B. Lớn của thế giới
- D. Lớn nhất của thế giới

3. Triết học là môn học về

- A. Những quy luật
- C. Phương pháp luận

- B. Những nguyên lý
- D. Thế giới quan và PPL

4. Vấn đề cơ bản của triết học là:

- A. VC và YT
- C. YT quyết định VC

- B. VC quyết định YT
- D. Mối quan hệ giữa VC và YT

5. Hoạt động nối tiếp (1')

- GV yêu cầu HS: + Làm các bài tập 1,2 SGK - trang 11
- + Tìm hiểu phần tiếp theo của bài 1

6. Nhận xét đánh giá tiết học (1')

Tailieu.vn

Năm học: 2006 – 2007

BÀI 1

Học kỳ: I
DUY VẬT VÀ
Tuần thứ: 2
BIỆN CHỨNG

THẾ GIỚI QUAN
PHƯƠNG PHÁP LUẬN
(Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

Ngoài mục tiêu chung của toàn bài, học xong tiết 2, HS còn phải đạt được:

1. Về kiến thức :

- HS biết được triết học Mac - Lê-nin là giai đoạn phát triển cao của lịch sử Triết học.

2. Về kỹ năng :

- Biết phân biệt giữa PP và PP luận, PPL biện chứng và PPL siêu hình
- Nhớ được một số quan điểm tiêu biểu của các triết gia thuộc 2 loại PPL biện chứng và PPL siêu hình

3. Về kỹ năng :

- Nhận xét đánh giá được một số biểu hiện của quan điểm duy vật hoặc duy tâm, biện chứng hoặc siêu hình trong cuộc sống hằng ngày.

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN, TRỌNG TÂM

1. Kiến thức cơ bản

- Mục I (phần c) và mục II

2. Kiến thức trọng tâm

- PP luận biện chứng

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. PPDH : Giảng giải

2. HTTCDH : Hoạt động nhóm nhỏ

IV. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: - Tham khảo SGK GD&ĐT 10(Không phân ban), SGK Triết học 10 (Ban khoa học xã hội), hướng dẫn học Triết học 12 (Ban khoa học xã hội).

- Bảng so sánh về PPL biện chứng và PPL siêu hình

2. Học sinh: Nghiên cứu SGK phần tiếp theo của bài học

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức và kiểm tra bài cũ (6')

Câu hỏi 1 : Theo em phải dựa vào cơ sở nào để phân chia các hệ thống thế giới quan trong Triết học ? TGQ duy vật và TGQ duy tâm khác nhau cơ bản ở điểm nào ?

Câu hỏi 2 : Phân tích các yếu tố duy vật và duy tâm về TGQ trong câu : “Sống chết có mệnh, giàu sang do trời”.

2. Giới thiệu bài(2')

- GV yêu cầu 1 HS nhắc lại tiêu đề phần thứ nhất của chương trình SGK lớp 10 : Công dân với việc hình thành TGQ, PPluận khoa học, 1 HS khác nhắc lại tiêu đề bài học 1 : TGQ duy vật và PPL biện chứng.
- GV gợi mở : Vậy theo em TGQ và PPL khoa học đó là TGQ và PPL nào ?
- Sau khi HS trả lời GV ghi đề bài và giới thiệu TGQ duy vật chúng ta đã tìm hiểu ở tiết học trước, tiết học này chúng ta sẽ tìm hiểu về PPluận biện chứng.

3. Tiến trình tổ chức tiết học 2 :

Hoạt động của Thầy và Trò		Kiến thức cơ bản
HOẠT ĐỘNG 1 (8') BẢNG PP ĐÀM THOẠI VÀ GIẢNG GIẢI GV GIÚP HS XÁC ĐỊNH KHÁI NIỆM : “PHƯƠNG PHÁP” VÀ “PHƯƠNG PHÁP LUẬN”		III. PP luận biện chứng 1. PP và PPluận
- GV yêu cầu HS nghiên cứu phần c, SGK trang 7. Sau đó trả lời câu hỏi - GV nhận xét, bổ sung và kết luận. * GV cần giải thích sâu hơn : Căn cứ vào phạm vi ứng dụng, có nhiều PP luận thích ứng cho từng môn khoa học :PPluận toán học, PPluận sử học. Có PPluận chung thích hợp cho nhiều môn khoa học như : PPluận khoa học xã hội, PPluận khoa học tự nhiên...PP luận chung nhất, bao quát nhất các lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy - đó là PP luận Triết học.	- HS nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi: Thế nào là PP và PP luận ?	a. PP - Bắt nguồn từ tiếng Hi Lạp <i>methodos</i> , có nghĩa chung nhất là cách thức đạt tới mục đích đặt ra. b. PPluận - Là khoa học về phương pháp, phương pháp nghiên cứu.
HOẠT ĐỘNG 2 (12') THẢO LUẬN NHÓM VỀ: “PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỆN CHỨNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN SIÊU HÌNH”		2. Phương pháp luận biện chứng và PP luận siêu hình

- GV yêu cầu HS mỗi bàn làm thành một nhóm - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm và quy định thời gian thảo luận - Xác định số thứ tự cho HS từ 1,2,3... - GV yêu cầu HS mang số thứ tự nào đó của mỗi nhóm trình bày nội dung thảo luận. - GV yêu cầu thành viên của các nhóm có cùng số thứ tự với HS trình bày bổ sung - Cả lớp bổ sung - GV nhận xét, bổ sung và kết luận. - Cả lớp bổ sung *Sau khi ghi bảng phần a, GV yêu cầu HS chỉ ra yếu tố biện chứng trong câu nói của nhà Triết học Hi Lạp Hê - ra - clit : “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông”. - GV nhận xét và củng cố phần a. * GV yêu cầu HS đọc và nêu suy nghĩ của các em về ví dụ từ SGK (trang 8), sau đó Gv nhận xét và củng cố kiến thức phần b.	- Các nhóm nghiên cứu SGK và thảo luận các câu hỏi sau: 1. Điểm giống và khác nhau cơ bản giữa PPluận biện chứng và PPluận siêu hình 2. Vai trò của PPluận biện chứng 3. Hạn chế của PPluận siêu hình - HS trình bày kết quả thảo luận * HS chỉ ra yếu tố biện chứng trong câu nói “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông” của nhà Triết học Hi Lạp Hê - ra - clit * HS đọc và nêu suy nghĩ về ví dụ ở SGK (trang 8).	* Giống nhau : - Đều là kết quả của quá trình con người nhận thức thế giới khách quan * Khác nhau : a. PP luận biện chứng Xem xét sự vật, hiện tượng trong sự <u>ràng buộc lẫn nhau, trong sự vận động và phát triển không ngừng.</u> → Giúp con người xem xét sự vật, hiện tượng một cách khách quan, khoa học. b. PP luận siêu hình Xem xét sự vật, hiện tượng một cách <u>phiến diện, máy móc</u>, chỉ thấy chúng tồn tại trong trạng thái cô lập, không vận động, không phát triển. → Không thể đáp ứng được những yêu cầu mới của nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn.
HOẠT ĐỘNG 3(8') TÌM HIỂU VỀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG Bằng phương pháp thuyết trình, GV diễn giải giúp HS hiểu được : + Các hệ thống Triết học trước Mác thiếu triệt để do điều kiện lịch sử, do nhận thức khoa học và lập trường giai cấp... nên chưa đạt được sự thống nhất giữa TGQ duy vật và PPLbiện chứng, tiêu biểu là hệ thống triết học của Phoi - ơ - bắc, Hê - ghen... (GV có thể yêu cầu HS đọc ví dụ trong SGK, trang 9 và giải thích để làm rõ vấn đề) + Triết học Mac - Lê-nin là đỉnh cao của sự phát triển Triết học vì nó đã khắc phục được những hạn chế về TGQ duy tâm và PPL siêu hình, đồng thời kế thừa, cải tạo và phát triển các yếu tố duy vật và biện chứng của các hệ thống triết học trước đó, thực hiện được sự thống nhất hữu cơ giữa TGQ duy vật và PPL biện chứng: Thế giới vật chất là cái có trước, phép biện chứng phản ánh nó là cái có sau, thế giới vật chất luôn luôn vận động và phát triển theo những quy luật khách quan. Những quy luật này được con người nhận thức và xây dựng thành PPluận→ TGQ duy vật và PPluận biện chứng gắn bó, thống nhất, không tách rời.		3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng Là sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan duy vật và PPluận biện chứng

4. Củng cố, luyện tập (5'):

GV có thể dùng câu hỏi trắc nghiệm khách quan để giúp cho HS củng cố lại kiến thức đã học:

GV: Nguyễn Thị Hoa Phương - Trường THPT Hai Bà Trưng

1. Căn cứ vào phạm vi ứng dụng, PPL của triết học là :
A. PPL chung
B. PPL riêng
C. PPL chung nhất
D. PPL biện chứng
2. Phương pháp siêu hình xem xét sự vật
A. Một cách phiến diện
B. Trong trạng thái cô lập, tách rời
C. Trong sự ràng buộc lẫn nhau
D. Không vận động, không phát triển
Đ. A, B và D
E. A, C và D
3. Phương pháp biện chứng xem xét sự vật trong sự
A. Cô lập, tách rời
B. Ràng buộc lẫn nhau
C. Phiến diện một chiều
D. Vận động và phát triển không ngừng
Đ. A và D
E. B và D
4. Để nhận thức về thế giới một cách đúng đắn, trong quan niệm của mỗi người cần phải có:
A. TGQ duy vật
B. PPL biện chứng
C. Sự thống nhất giữa PPL
D. Sự thống nhất giữa TGQ
biện chứng và PPL siêu hình
duy vật và PPL biện chứng
5. **Hoạt động nối tiếp**(2'):
- GV yêu cầu HS: + Tìm hiểu bài 2
+ Sưu tầm một số tranh ảnh về các sự vật, hiện tượng trong giới tự nhiên để phục vụ cho bài học sau.
6. **Nhận xét đánh giá tiết học**(1')

Năm học: 2006 - 2007

BÀI

2

Học kỳ: I
CHẤT TỒN TẠI
Tuần thứ: 3
QUAN

THẾ GIỚI VẬT

KHÁCH

(Tiết 1)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, học sinh cần phải đạt được:

1. Về kiến thức

- Hiểu giới tự nhiên tồn tại khách quan

- Biết con người và xã hội là sản phẩm của giới tự nhiên; con người có thể nhận thức, cải tạo được giới tự nhiên

2. Về kĩ năng:

- Vận dụng được kiến thức đã học từ các môn học khác để chứng minh được các giống loài thực vật, động vật, kể cả con người đều có nguồn gốc từ giới tự nhiên
- Chứng minh được con người có thể nhận thức, cải tạo được giới tự nhiên và đời sống xã hội

3. Về thái độ

- Tin tưởng vào khả năng nhận thức và cải tạo giới tự nhiên của con người; phê phán những quan điểm duy tâm thần bí về nguồn gốc của con người.

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN, TRỌNG TÂM

1. Kiến thức cơ bản:

- Giới tự nhiên tồn tại khách quan.
- Con người và xã hội là sản phẩm của giới tự nhiên; con người có thể nhận thức, cải tạo được giới tự nhiên

2. Kiến thức trọng tâm

- Giới tự nhiên là toàn bộ thế giới vật chất
- Loài người có nguồn gốc từ động vật, là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của giới tự nhiên
- Sự ra đời của con người và xã hội loài người là một quá trình tiến hóa lâu dài
- Xã hội là sản phẩm đặc thù của giới tự nhiên
- Con người có khả năng nhận thức và cải tạo được thế giới khách quan

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. **PPDH:** Giảng giải, thảo luận nhóm, trực quan, liên hệ động não..
2. **HTTCDH:** Làm việc cá nhân, nhóm nhỏ

IV. CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên:** - Tham khảo SGK GDCT 10(Không phân ban), SGK Triết học 10 (Ban khoa học xã hội), hướng dẫn học Triết học 12 (Ban khoa học xã hội).
- Một số tranh ảnh , sơ đồ có nội dung liên quan đến bài học

2. **Học sinh:** Đọc SGK, xem lại Bài 1

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức và kiểm tra bài cũ (6')

- GV có thể dùng câu hỏi 5 SGK (trang 11) để làm đề kiểm tra bài cũ

2. Giới thiệu bài (2')

* **Cách 1:** Dùng phần MỞ ĐẦU BÀI HỌC trong SGK để giới thiệu bài học

* **Cách 2:** GV có thể mở bài như sau: Xung quanh chúng ta có vô vàn các sự vật và hiện tượng như: động vật, thực vật, sông, hồ, biển cả, mưa, nắng... Tất cả các sự vật, hiện tượng đó đều thuộc thế giới vật chất. Muốn biết thế giới vật chất đó bao gồm những gì? Tồn tại như thế nào? Chúng ta có nhận thức được chúng hay không?... Bài học hôm nay các em sẽ tìm hiểu về những vấn đề này.

3. Tiến trình tổ chức tiết học 1:

Hoạt động của Thầy và Trò	Kiến thức cơ bản
HOẠT ĐỘNG 1 (6') Bằng phương pháp trực quan giáo viên giới thiệu một số hình ảnh về các sự vật, hiện tượng trong giới tự nhiên	